TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-12-2022.
(Về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con, tài sản và công nợ chung)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Đà Giang**

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Quách Ngọc Ánh**

+ Bà **Nguyễn Thị Minh Anh**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Anh Phương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà: Ông **Khuất Duy Xuân Quý** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 144/2022/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung của vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022.

- Nguyên đơn: Chị **Đinh Thị Th,** sinh năm 1997 (có mặt);

- Bị đơn: Anh **Bùi Văn L**, sinh năm 1994 (có mặt).

Cùng trú tại: Xóm Tr, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/6/2022, bản tự khai,biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn là chị Đinh Thị Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị Th và anh Bùi Văn L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình vào ngày 12/02/2016 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống chị Th và anh L ở cùng bố mẹ đẻ của chị Đinh Thị Th tại Xóm Tr, xã Đ, huyện K. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến tháng 9 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên thông gia bất đồng quan điểm về việc xây nhà cho hai vợ chồng chị Th và anh L. Anh L đến nhà chị Th ở rể, đất do bố mẹ chị Th cho, nhà do bố mẹ chị Th hỗ trợ hai vợ chồng xây dựng nhưng bố chồng chị lại hay lên chỉ đạo phải xây dựng theo ý của bố chồng chị. Quá trình xây dựng nhà của chị Th và anh L bố

anh L chỉ cho hai vợ chồng một vạn gạch nhưng ra ngoài lại nói với hàng xóm là gia đình chồng đứng ra xây nhà khiến bố mẹ đẻ chị Th tự ái, bức xúc, dẫn đến hai bên thông gia cãi nhau. Anh L thấy hai bên thông gia cãi nhau thì bỏ về nhà bố mẹ đẻ của anh L, vì từ khi kết hôn anh L ở rể bên gia đình bố mẹ chị Th. Chị Th thuyết phục chồng về nhưng đến năm 2019 anh L mới quay về ở cùng chị, con gái và bố mẹ chị Th. Về ở được một thời gian lại phát sinh mâu thuẫn. Hai vợ chồng ở Bắc Ninh tiện anh L làm việc, thuê chung nhà trọ nhưng anh L muốn tách ra ở riêng vì chị Th hàng ngày đi làm ca kíp trên Thái Nguyên. Vợ chồng xa nhau nhưng anh L không chu cấp tiền cho chị Th nuôi con, sống kiểu tiền ai người đó tiêu, vợ chồng thường xuyên lục đục nhưng chị vẫn kiên nhẫn tự lo chi phí xây dựng nhà vì có sự hỗ trợ của bố mẹ chị Th và chị Th tự gửi tiền cho bố mẹ đẻ của chị Th nuôi con. Tuy nhiên, anh L do nghe bạn bè, không tin tưởng vào vợ, cho rằng vợ ngoại tình nên vợ chồng tiếp tục ly thân. Đến đầu năm 2022 anh L nộp đơn gửi Tòa án xin ly hôn với chị Th, nhưng sau đó lại rút đơn xin ly hôn. Tuy nhiên, bản thân chị Th nhận thấy gia đình chồng đã xúc phạm danh dự, nói xấu chị nhiều nơi, chồng không tin tưởng và không còn tình cảm với mình nên chị Th đã nộp đơn xin ly hôn. Tại phiên tòa, chị giữ nguyên quan điểm đề nghị được ly hôn với anh Bùi Văn L. Tại phiên tòa chị và anh L đã thống nhất thuận tình ly hôn nên đề nghị Hồi đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận thuận tình ly hôn của chị Th và anh Bùi Văn L.

Về con chung: Chị Đinh Thị Th và anh Bùi Văn L có 01 *(một)* con chung là Bùi Ánh Ch, sinh ngày 25/12/2016. Chị Th đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con Bùi Ánh Ch cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Chị yêu cầu anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 *(hai triệu)* đồng/ tháng hoặc theo quy định của pháp luật trên cơ sở thực tế chi phí nuôi con ở khu vực chị sinh sống khoảng 2.000.000*(hai triệu)* đồng đến 3.000.000 *(ba triệu)* đồng/ tháng, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Bản thân chị có thu nhập ổn định từ 10.000.000 *(mười triệu)* đồng/tháng đến 14.000.000 *(mười bốn triệu)* đồng/ tháng nên đảm bảo để nuôi con. Tuy nhiên, anh L từ năm 2017 đến nay không chu cấp nuôi con, chị yêu cầu anh L cấp dưỡng để anh có trách nhiệm và tình cảm với con.

Về tài sản chung: Chị Th xác nhận vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm thửa 116 tờ bản đồ số 10 diện tích 168m^2 tại Xóm Tr, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình và một ngôi nhà cấp 4 đang xây dựng dở dang chưa đổ mái, chưa chát tường, chưa hoàn thiện diện tích 75,71 m^2. Nguồn gốc thửa đất của bố mẹ chị Th mua của ông Bùi Văn R cho chị để chị xây nhà ra ở riêng cùng chồng con. Còn nhà cấp 4 nêu trên là do bố chị Th – ông Đinh Công T đứng ra xây dựng bằng tiền của vợ chồng ông Tưởng và tiền thai sản của chị Th, ông Sáu bố đẻ anh L cho vợ chồng chị 01 *(một)* vạn gạch đỏ *(loại 2)*. Ban đầu chị không đồng ý là tài sản chung vì quyền sử dụng đất và chi phí xây nhà là do bố mẹ chị Th cho chị và một phần là tiền chị tích lũy được. Nhưng sau đó chị chấp nhận là tài sản chung của vợ chồng vì vợ chồng chị xây nhà bố chồng cũng hỗ trợ

01 *(một)* vạn gạch và là tài sản được cho trong thời kỳ hôn nhân. Thời điểm năm 2017 khi ông Đinh Công T tiến hành xây dựng nhà giúp chị Th thì đã bị Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xây dựng nhà trên đất trồng cây lâu năm – vi phạm mục đích sử dụng đất nông nghiệp, nên bố chị Th *(ông Đinh Công T)* có tin tưởng giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên ông Bùi Văn R cho anh L đi làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Anh L đã tự ý làm lại hợp đồng chuyển nhượng thẳng từ tên ông Bùi Văn R (*người bán đất cho ông Đinh Công T, đồng thời là bác của anh L)* sang tên một mình anh L, không đăng ký tên chị Th vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay. Bản thân chị không biết không có tên mình cho đến khi Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ từ Ủy ban nhân dân xã Đ. Tại phiên hòa giải cuối cùng ngày 09/12/2022 chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật trên cơ sở xem xét nguồn gốc hình thành tài sản chung của vợ chồng. Tại phiên tòa, chị đề nghị Tòa án giao quyền sử dụng đất nêu trên cho chị, chị đồng ý thanh toán 50% giá trị chênh lệch tài sản theo giá Hội đồng định giá tài sản huyện K đã định giá đã được chị và anh L nhất trí về giá.

Về công nợ chung: Vợ chồng chị có vay nợ chung đối với ông Đinh Công T là bố đẻ chị Th nhưng do là quan hệ bố và con nên không viết giấy vay mượn nên chị rút yêu cầu, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bố chị là ông Đinh Công T tại giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng xác nhận chị Th có vay ông số tiền 50.000.000 *(năm mươi triệu)* đồng để xây nhà ngoài số tiền ông bà hỗ trợ con. Tuy nhiên anh L không xác nhận nên ông Tưởng cũng không yêu cầu trả. Do vậy chị Th rút yêu cầu, không yêu cầu tòa án giải quyết số tiền trên.

Về án phí: Chị Th đề nghị Tòa án giải quyết án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con, án phí chia tài sản chung theo quy định của pháp luật. Các chi phí tố tụng khác chị Th tự nguyện chịu toàn bộ.

Theo bản tự khai,biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải, các tài liệu, chứng cứ kèm theo và tại phiên tòa bị đơn là anh Bùi Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn L và chị Đinh Thị Th đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình vào ngày 12/02/2016 trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn hai vợ chồng có ra Thái nguyên thuê nhà cùng đi làm công nhân và bắt đầu sinh hoạt chung tiết kiệm tài sản và có con. Nguyên nhân ly hôn do anh nghe nói chị Th ngoại tình với người đàn ông khác bên ngoài, có được cho hình ảnh và người quan hệ với chị Th nói trực tiếp. Khi anh biết tin chị Th ngoại tình anh đã gọi điện hỏi chị Th thì chị Th hủy kết bạn Facebook với anh. Anh cho rằng nếu chị Th không có vấn đề gì thì tại sao lại ứng xử như vậy. Nên dù video không rõ mặt nhưng anh vẫn cho rằng đúng là vợ anh ngoại tình. Anh xác nhận anh có tài liệu chứng cứ chứng minh việc ngoại tình của chị Th và sẽ nộp cho Tòa án (tuy nhiên sau đó anh không cung cấp). Vợ chồng ly thân từ ngày 04/5/2020 cho đến nay. Anh đồng ý thuận tình ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh L xác nhận anh và chị Đinh Thị Th có 01 (một) con chung tên là Bùi Ánh Ch, sinh ngày 26/12/2016. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị Th

có nguyện vọng nuôi con và được Tòa án chấp nhận thì anh L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì anh cho rằng anh phải cấp dưỡng nghĩa là chị Th không đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: Anh L khai anh và chị Th tạo dựng được 01 *(một)* ngôi nhà theo thiết kế nhà 2 tầng nhưng đang xây dựng dở dang và quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm thửa 116 tờ bản đồ số 10 diện tích 168m^2 tại Xóm Tr, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Tuy nhiên nhà đang xây dựng dở dang được phần móng và tường tầng 1, chưa đổ mái. Vợ chồng anh không xây dựng tiếp do trục trặc hôn nhân. Quá trình xây dựng nhà do anh L thiết kế và tổ chức xây dựng, bố đẻ anh là ông Bùi Văn S đứng ra giúp vợ chồng mua gạch đỏ hết 15.000.000 *(mười lăm triệu)* đồng còn lại vật liệu là do hai vợ chồng bỏ ra để chi mua vật liệu và thuê nhân công. Ngôi nhà đang xây dựng thì bị Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K xử phạt vi phạm hành chính. Do tài sản là đối tượng buộc phải tháo dỡ theo Quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân nên trong quá trình giải quyếtvụ án anh nhất trí với chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung là quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm thửa 116 tờ bản đồ số 10 diện tích 168m2 tại Xóm Tr, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình nguồn gốc là do anh và chị Th tích lũy được và có nhờ bố vợ anh là ông Đinh Công T đứng ra giao dịch nhận chuyển nhượng từ ông Bùi Văn R, sinh năm 1959, bác anh L *(anh ruột của mẹ anh Bùi Văn L)*, trú tại Xóm Tr, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình với giá 15.000.000 *(mười lăm triệu)* đồng. Khi mua không có người làm chứng *(theo biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2022 đối với anh Bùi Văn L)*. Quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng định giá tài sản huyện K đã định giá giá trị thửa đất trên có giá trị 10.080.000 *(mười triệu không trăm tám mươi nghìn)* đồng và tài sản trên đất là cây xoan có giá 100.000 *(một trăm nghìn)* đồng. Anh L đồng ý với giá Hội đồng định giá quyết định. Anh L đề nghị anh được quyền sử dụng thửa đất 116 tờ bản đồ số 10 diện tích 168m^2 tại Xóm Tr, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình và được sở hữu tài sản gắn liền với đất là cây xoan , đồng ý trả giá trị chênh lệch chia tài sản một nửa cho chị Đinh Thị Th bằng tiền *(Biên bản hòa giải ngày 09/12/2022)*. Tại phiên tòa, anh đề nghị được giao quyền sử dụng đất để anh có chỗ ở và đồng ý thanh toán 50% giá trị chênh lệch tài sản hoặc thậm chí 100% giá trị tài sản cho chị Đinh Thị Th.

Về công nợ chung: Anh khai vợ chồng không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của đương sự và xác minh tại địa phương nơi chị Đinh Thị Th, anh Bùi Văn L cư trú và có tài sản chung. Kết quả xác minh: Chị Đinh Thị Th và anh Bùi Văn L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Xóm Tr, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Kết quả xác minh từ đại diện Xóm Tr, xã Đ: Chị Đinh Thị Th Và anh Bùi Văn L là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn với chị Đinh Thị Th , anh Bùi Văn L có về ở rể tại nhà bố mẹ đẻ chị Th là ông Đinh Công T và bà Bùi Thị M. Vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể xóm không nắm được, tuy nhiên việc anh L và chị Th mâu thuẫn nhiều lần rồi lại đoàn tụ. Sau đó ly thân từ khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2021 đến nay. Anh L về nhà bố đẻ ở cho đến nay, cả hai đi làm xa nhau. Ông Đinh Công T có tổ chức xây dựng, thuê thợ, giám sát xây dựng nhà trên thửa đất 116 tờ bản đồ

số 10 diện tích 168m^2 tại Xóm Tr, xã Đ. Ông Bùi Văn S có góp gạch xây nhà. Do xây dựng nhà trên đất trồng cây lâu năm, vi phạm mục đích sử dụng đất nên ông Đinh Công T bị Ủy ban nhân dân xã Đ xử phạt hành chính nên đã phải dừng lại, không xây dựng tiếp, đang dở dang công trình. Còn nguồn gốc quyền sử dụng đất xóm chỉ biết mua của ông Bùi Văn R, trú tại Xóm Tr, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình. Anh L và chị Th có 01 (một) con chung là Bùi Ánh Ch, sinh ngày 26/12/2016. Kể từ khi kết hôn, rồi ly thân cháu Chúc vẫn ở với mẹ và ông bà ngoại cho đến nay. Về công nợ chung, đại diện Xóm Tr được biết anh L và chị Th không vay nợ tổ chức tín dụng nào.

Kết quả xác minh đối với ông Bùi Văn R: Ông Bùi Văn R cho biết khoảng tháng 8 năm 2016 tại gia đình ông Rầm tại Xóm Tr, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình ông Rầm có ký giấy chuyển quyền sử dụng đất cho ông Đinh Công T, sinh năm 1973, địa chỉ cùng Xóm Tr, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình với giá 14.000.000 *(mười bốn triệu)* đồng. Ông Rầm xác nhận đã nhận đủ số tiền này từ ông Đinh Công T để chuyển nhượng thửa đất số 116 tờ bản đồ số 10 diện tích 168m^2 *(một trăm sáu mươi tám mét vuông)* mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm. Ông xác nhận chỉ giao dịch với ông Đinh Công T chứ không mua bán gì với anh Bùi Văn L. Tuy nhiên tháng 9 năm 2017 anh Bùi Văn L có làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất sẵn mang sang cho ông Rầm cùng vợ con ông ký, trình bày là bố mẹ vợ là ông Đinh Công T cho chỗ đất này nên nhờ ông Rầm ký hợp đồng để làm thủ tục chuyển nhượng thẳng sang tên anh L. Do ông Rầm không nắm được việc ông Đinh Công T có phản đối hay không, thấy anh L cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trình bày thì tin tưởng ký cho anh L hoàn tất thủ tục chuyển quyền sử dụng đất. Khi làm thủ tục chuyển nhượng sang tên anh L từ tên ông Rầm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Đinh Công T *(bố đẻ chị Đinh Thị Th)* và ông Bùi Văn S *(bố đẻ anh Bùi Văn L)* đều vui vẻ đi làm thủ tục, không có ý kiến tranh chấp gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

- Về tố tụng : Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc chuẩn bị xét xử, và xét xử sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71. Bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Đinh Thị Th và anh Bùi Văn L.

Về con chung: Giao con chung là Bùi Ánh Ch, sinh ngày 25/12/2016 cho chị

Đinh Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Th, buộc anh Bùi Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn số tiền 1.490.000 *(một triệu bốn trăm chín mươi nghìn)* đồng/ tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Bùi Ánh Ch đủ 18 tuổi hoặc theo thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Văn L được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, xét thấy việc giao cháu Chúc cho chị Th nuôi dưỡng, nên tạo điều kiện cho chị Th có thể ổn định cuộc sống, chăm sóc tốt cho cháu Chúc cần giao tài sản chung là quyền sử dụng 168m2 đất cho chị Th sử dụng để thuận lợi cho việc trồng trọt, sản xuất và canh tác. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử: Giao quyền sử dụng thửa đất số 116 tờ bản đồ số 10 diện tích 168m^2 *(một trăm sáu mươi tám mét vuông)*, địa chỉ: Xóm Tr, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình cho chị Đinh Thị Th được quyền sử dụng và buộc chị Đinh Thị Th có trách nhiệm thanh toán cho anh Bùi Văn L chênh lệch tài sản là 50% giá trị tài sản đã định giá tương ứng với số tiền 5.090.000 *(năm triệu không trăm chín mươi nghìn)* đồng.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:*** Quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện K, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn đều tuân thủ pháp luật: Tự khai, hợp tác lấy lời khai, trình bày ý kiến, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, có mặt theo giấy triệu tập, thông báo, quyết định xét xử của Tòa án. Tòa án đã xác minh tại nơi cư trú của anh Bùi Văn L, tiến hành giao văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc trường hợp tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử có mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Về nội dung vụ án*:**

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Đinh Thị Th và anh Bùi Văn L khi kết hôn là tự nguyện, không vi phạm quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình ngày 12/02/2016

trên cơ sở tự nguyện. Do vậy hôn nhân giữa chị Đinh Thị Th và anh Bùi Văn L được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng từ cuối năm 2017 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thường xuyên bất đồng quan điểm, vợ chồng đi làm xa nhau thiếu sự quan tâm, gắn kết, không tin tưởng nhau, mâu thuẫn về quan hệ thông gia trong việc xây dựng nhà chung cho vợ chồng anh L, chị Th. Mặc dù chị Th và anh L đã cố gắng tìm tiếng nói chung trong hôn nhân nhưng vợ chồng chị Th và anh L vẫn không hàn gắn được hôn nhân, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng ly thân kéo dài ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay, mỗi người đi làm ở một nơi, xa nhau, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Đinh Thị Th và anh Bùi Văn L đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại. Quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần, nhưng chị Th và anh L không có nguyện vọng duy trì hôn nhân, thuận tình ly hôn. Do vậy cần công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

[2] Về con chung:

Chị Đinh Thị Th và anh Bùi Văn L có con chung là Bùi Ánh Ch, sinh ngày 25/12/2016. Tại phiên tòa, mặc dù anh L có yêu cầu được trực tiếp nuôi con, tuy nhiên Hội đồng xét xử nhận thấy trong suốt thời gian chị Th và anh L ly thân cho đến nay con gái luôn ở với chị Th và ông bà ngoại, anh L không thực hiện nghĩa vụ chu cấp kinh tế cho chị Th nuôi con. Con còn nhỏ lại là con gái, nên việc để con cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với tâm sinh lý trẻ nhỏ. Bản thân chị Th có công việc ổn định, thu nhập đều từ gần 10.000.000 *(mười triệu)* đồng/tháng đến 14.000.000 *(mười bốn triệu)* đồng/ tháng nên đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con. Nên giao con chung là Bùi Ánh Ch, sinh ngày 25/12/2016 cho chị Đinh Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Anh L tại các phiên hòa giải ngày 04/11/2022 và ngày 09/12/2022 (Biên bản hòa giải ngày 04/11/2022, Biên bản hòa giải ngày 09/12/2022) cũng đồng ý cho chị Th tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con mặc dù anh có yêu cầu kèm theo là anh không cấp dưỡng nuôi con nếu chị Th được quyền nuôi con.

Việc cấp dưỡng nuôi con ngoài nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu vật chất tốt nhất để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, thì việc cấp dưỡng đối với con chưa thành niên còn thể hiện trách nhiệm, tình cảm của cha mẹ không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con đối với con chưa thành niên. Chị Th mặc dù thu nhập cao hơn anh L, đủ điều kiện vật chất để nuôi dưỡng con nhưng vẫn yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con để con có cảm nhận đầy đủ trách nhiệm, tình yêu thương của bố là có căn cứ. Tuy nhiên, chị Th yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 *(hai triệu)* đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án, là cao so với nhu cầu của trẻ nhỏ tại khu vực nông thôn miền

núi và khi con đang học mẫu giáo và như chị trình bày tại phiên tòa là nhu cầu của con từ 2.000.000VND *(hai triệu đồng)* đến 3.000.000VND *(ba triệu đồng)* . Do vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét chấp nhận một phần yêu cầu của chị Th. Căn cứ khoản 1 Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình cần buộc anh Bùi Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn số tiền 1.490.000 *(một triệu bốn trăm chín mươi nghìn)đồng*/ tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Bùi Ánh Ch đủ 18 tuổi hoặc theo quy định khác của pháp luật. Anh Bùi Văn L được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự tại phiên tòa, chị Đinh Thị Th và anh Bùi Văn L xác nhận có tài sản chung là ngôi nhà cấp 4 diện tích xây dựng 75,71m2 đang xây dựng dở dang: chưa đổ mái, chưa chát tường, chưa hoàn thiện; và quyền sử dụng thửa đất số 116 tờ bản đồ số 10 diện tích 168m2 *(một trăm sáu mươi tám mét vuông)* mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 092477 mang tên Bùi Văn R, sinh năm 1959, địa chỉ: Đông Bắc, K, Hòa Bình do UBND huyện K cấp ngày 15/01/2015 vào sổ số CH 000.16 chuyển nhượng cho ông Bùi Văn L, chứng minh nhân dân số 113600844, địa chỉ: Xóm Tr, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình theo hồ sơ số 000414 CN.001 và tài sản gắn liền với đất là 01 *(một)* cây xoan.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, đương sự nhất trí rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà cấp 4 diện tích xây dựng 75,71m2 đang xây dựng dở dang vì ngôi nhà này là đối tượng buộc phá dỡ theo Quyết định số 46/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 22/9/2017. Do vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu giải quyết chia tài sản chung là ngôi nhà nêu trên.

Đối với quyền sử dụng thửa đất số 116 tờ bản đồ số 10 diện tích 168m2 *(một trăm sáu mươi tám mét vuông),* địa chỉ: Xóm Tr, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình, tại biên bản hòa giải ngày 09/12/2022 nguyên đơn và bị đơn đã đồng ý xác định là tài sản chung của vợ chồng hình thành trong thời kỳ hôn nhân, đồng ý với giá trị định giá tài sản của Hội đồng định giá là 10.080.000 *(mười triệu không trăm tám mươi nghìn)* đồng và 01 *(một)* cây xoan trên đất giá trị 100.000 *(một trăm nghìn)* đồng và đề nghị chia tài sản chung. Tại phiên tòa, các đương sự không thay đổi ý kiến.

Tại phiên hòa giải, anh Bùi Văn L yêu cầu được giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là cây xoan và đồng ý thanh toán cho chị Th 50% giá trị tài sản chung theo giá Hội đồng định giá tài sản huyện K đã định giá. Tại phiên tòa, thậm chí anh L đồng ý thanh toán 100% giá trị tài sản theo giá Hội đồng định giá đã định giá tài sản là thửa đất số 116 tờ bản đồ số 10 diện tích 168m^2 tại Xóm Tr, xã Đ, hyện K, tỉnh Hòa Bình. Tuy nhiên, chị Đinh Thị Th cho rằng thửa đất mặc dù sáp nhập thành tài sản chung vợ chồng nhưng nguồn gốc là do bố chị Th

(ông Đinh Công T) bỏ tiền ra mua của ông Bùi Văn R là bác của anh Bùi Văn L cho vợ chồng chị. Tại biên bản xác minh ngày 30/8/2022 ông Bùi Văn R cũng xác nhận việc giao dịch trong giấy thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 15/8/2016 giữa ông với ông Đinh Công T về thửa đất 116 tờ bản đồ số 10 diện tích 168m^2 là đúng sự thật và xác nhận việc ông không giao dịch nhận tiền từ anh L; ông Rầm cũng xác nhận sau này anh Bùi Văn L mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến nhà ông Rầm làm lại thủ tục chuyển nhượng có nói là bố mẹ vợ cho hai vợ chồng anh L. Tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã hỏi anh L về lời khai theo biên bản xác minh của ông Bùi Văn R *(bác của anh L),* anh L đã xác nhận lời khai theo biên bản xác minh của ông Rầm là đúng. Do vậy, chị Đinh Thị Th yêu cầu được giao quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là cây xoan và đồng ý trả anh L 50% giá trị tài sản chung theo giá Hội đồng định giá tài sản huyện K đã định giá là hợp lý, hợp tình. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 33, khoản 2 Điều 62 Luật hôn nhân và gia đình trên cơ sở có xem xét đến nguồn gốc hình thành tài sản chung của vợ chồng: Giao quyền sử dụng thửa đất số 116 tờ bản đồ số 10 diện tích 168m2 *(một trăm sáu mươi tám mét vuông)*, địa chỉ: Xóm Tr, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình cho chị Đinh Thị Th được quyền sử dụng, đồng thời buộc chị Đinh Thị Th có nghĩa vụ thanh toán cho anh Bùi Văn L chênh lệch tài sản là 50% giá trị tài sản đã định giá tương ứng với số tiền 5.090.000 *(năm triệu không trăm chín mươi nghìn)* đồng như đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ.

[4] Về công nợ chung: Chị Đinh Thị Th có khai có vay nợ chung đối với ông Đinh Công T số tiền 50.000.000 *(năm mươi triệu)* đồng, anh L không nhất trí về khoản nợ này. Ông Đinh Công T xác nhận có đưa tiền cho chị Th vay để thêm vào xây nhà. Tuy nhiên ông không yêu cầu chị Th, anh L phải trả. Chị Th rút yêu cầu giải quyết đối với khoản tiền trên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu về khoản nợ 50.000.000 *(năm mươi triệu)* đồng theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[5] ***Về án phí:*** Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, án phí dân sự chia tài sản chung; bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng, án phí dân sự chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 244; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 55, Điều 59, Điều 62; Điều 81, Điều 82, Điều 83; khoản 1 Điều 107, Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Th, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị Th và anh Bùi Văn L.

2. Về con chung:

Xác nhận chị Đinh Thị Th và anh Bùi Văn L có một con chung là Bùi Ánh Ch, sinh ngày 25/12/2016.

Giao con chung là Bùi Ánh Ch, sinh ngày 25/12/2016 cho chị Đinh Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

Buộc anh Bùi Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn số tiền 1.490.000 *(một triệu bốn trăm chín mươi nghìn)*đồng/ tháng kể từ khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Bùi Ánh Ch đủ 18 tuổi hoặc thay đổi theo quy định của pháp luật.

Anh Bùi Văn L được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung:

Giao cho chị Đinh Thị Th được quyền sử dụng thửa đất số 116 tờ bản đồ số 10 diện tích 168m^2 *(một trăm sáu mươi tám mét vuông)*, địa chỉ: Xóm Tr, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 092477 mang tên Bùi Văn R, sinh năm 1959, địa chỉ: Đông Bắc, K, Hòa Bình do UBND huyện K cấp ngày 15/01/2015 vào sổ số CH 000.16 chuyển nhượng cho ông Bùi Văn L, chứng minh nhân dân số 113600844, địa chỉ: Xóm Tr, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình theo hồ sơ số 000414 CN.001 và quyền sở hữu đối với tài sản trên đất là 01 *(một)* cây xoan là tài sản gắn liền với đất.

Buộc chị Đinh Thị Th có nghĩa vụ thanh toán cho anh Bùi Văn L chênh lệch tài sản là 50% giá trị tài sản Hội đồng định giá huyện K đã định giá, tương ứng với số tiền 5.090.000 *(năm triệu không trăm chín mươi nghìn)* đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung là ngôi nhà cấp 4 diện tích xây dựng 75,71m^2 xây dựng trên thửa đất số 116 tờ bản đồ số 10 diện tích 168m2 *(một trăm sáu mươi tám mét vuông)*, địa chỉ: Xóm Tr, xã Đ, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

4.Về công nợ chung:

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia công nợ chung của chị Đinh Thị Th đối với số tiền 50.000.000 *(năm mươi triệu)* đồng chị Th vay của ông Đinh Công T.

5. Án phí:

Chị Đinh Thị Th phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí ly hôn sơ

thẩm và 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự chia tài sản chung, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 2.414.000 *(hai triệu bốn trăm mười bốn nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005149 ngày 24/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hòa Bình. Chị Đinh Thị Th được hoàn trả lại 1.814.000 *(một triệu tám trăm mười bốn nghìn)* đồng.

Anh Bùi Văn L phải chịu 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự chia tài sản chung.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Đinh Thị Th và anh Bùi Văn L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án: ngày 30/12/2022.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Đ *(Nơi đăng ký kết hôn);*
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Đà Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Ngọc Ánh Nguyễn Thị Minh Anh **Nguyễn Thị Đà Giang**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Đ *(Nơi đăng ký kết hôn);*
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Đà Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Quách Ngọc Ánh Nguyễn Thị Minh Anh	**Nguyễn Thị Đà Giang**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện K;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Hùng Sơn *(Nơi đăng ký kết hôn);*
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Đà Giang